

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17-3-2023.

“V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thành Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Trí Trung.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại Phòng xử án, Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 349/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/11/2022 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/02/2023, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Ung Thị Thảo L, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp PH, xã PT, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- **Bị đơn:** Anh Hà Minh T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số .., ấp BHA, xã BTT, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ung Thị Thảo L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Vào khoảng năm 2017, chị L và anh Hà Minh T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và chị L với anh T đến Ủy ban nhân dân xã Phước

Thanh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang để đăng ký kết hôn vào ngày 05/10/2017. Sau khi kết hôn, chị L với anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh T không quan tâm vợ con, mọi công việc trong gia đình anh T đều để một mình chị L gánh vác, chị L có khuyên anh T cùng chị L chăm lo cho con nhưng anh T không thay đổi và bỏ về quê ở ấp Bình Hiệp A, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp từ tháng 5/2021 đến nay. Trước đây, chị L có nộp khởi kiện tại Tòa án nhưng sau đó chị L rút đơn để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không thể hàn gắn được nên chị L tiếp tục khởi kiện xin ly hôn. Chị L với anh T đã sống ly thân từ khoảng tháng 5/2021 đến nay. Sau khi ly thân, chị L sinh sống ở nhà cha mẹ ruột ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, còn anh T về nhà cha mẹ ruột ở ấp Bình Hiệp A, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Nay chị L xác định không còn tình cảm với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh T.

Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử và Kiểm sát viên đã kiên trì hòa giải, động viên nhiều lần để chị L với anh T hàn gắn lại tình cảm để nuôi dạy con, nhưng chị L vẫn cương quyết xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị L với anh Hà Minh T có 01 người con chung tên Hà Ngọc Tú M, sinh ngày 01/01/2019 đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, chị L thừa nhận trước đây anh T có đưa cho chị L số tiền 200.000.000, khi anh T đưa tiền, chị L có hỏi anh T, thì anh T nói là mẹ anh T cho 100.000.000 đồng, nhưng ở đâu có đến 200.000.000 đồng để đưa cho chị L, thì anh T nói là chị L cứ giữ để lo cho con, chứ anh T không có nói trong số tiền đó có 100.000.000 đồng là mượn của mẹ anh T. Đối với ý kiến của anh T về việc trả lại số tiền 100.000.000 đồng cho mẹ anh T, thì chị L không đồng ý. Do trong thời gian dịch bệnh chị L không có làm việc nên đã sử dụng hết số tiền để lo chi tiêu cho con.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Hà Minh T:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T thống nhất với ý kiến trình bày của chị L là vào khoảng năm 2017, anh T với chị L được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và anh T với chị L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang vào ngày 05/10/2017. Sau khi cưới, anh T đi làm ở tỉnh Bình Dương, còn chị L ở nhà cha mẹ ruột ở tỉnh Tiền Giang, anh T đi đi về về, giữa anh T với chị L không có xảy ra mâu thuẫn. Đến khoảng tháng 5/2021, anh T về nhà cha mẹ ruột ở xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp rồi nhà nước áp dụng chỉ thị giãn cách xã hội nên anh T không thể về bên nhà vợ. Đến khi hết giãn cách xã hội anh T về nhà vợ thăm con thì chị L không cho vào

và đòi ly hôn. Nay anh T nhận thấy không còn tình cảm nên anh T đồng ý ly hôn với chị L với điều kiện là chị L phải trả lại số tiền 100.000.000 đồng cho mẹ ruột anh T. Anh T không có ý định hàn gắn lại tình cảm với chị L, anh T khẳng định không còn tình cảm với chị L nhưng do chị L không trả số tiền 100.000.000 đồng cho mẹ ruột của anh T, nên anh T không đồng ý ký tên ly hôn.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Kiểm sát viên đã kiên trì hoà giải, giải thích cho anh T là quyền khởi kiện về số tiền nợ mà anh T cho rằng là nợ chung giữa anh T với chị L, nhưng anh T và mẹ anh T đều không có đơn khởi kiện. Hơn nữa, anh T còn trình bày là “Anh T đồng ý ký đơn ly hôn với chị L nếu chị L trả cho mẹ của anh T số tiền 100.000.000 đồng, còn không anh T không ký tên thì 100 năm nữa chị L vẫn chưa được ly hôn”.

Về con chung: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị L về con chung là trong thời gian chung sống, anh T với chị L có 01 người con chung tên Hà Ngọc Tú M, sinh ngày 01/01/2019 đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T đồng ý giao Cháu M cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, nhưng chị L phải đảm bảo cho anh T trong việc thăm nom, chăm sóc Cháu M; còn nếu chị L không đồng ý nuôi dưỡng Cháu M, thì anh T nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con, mà tùy thuộc vào khả năng thực tế của mỗi người.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T cho rằng, trước đây anh T có đưa cho chị L số tiền 200.000.000 đồng, khi đó chị L có hỏi tiền ở đâu mà có đến 200.000.000 đồng trong khi mẹ anh T nói là chỉ cho 100.000.000 đồng thì anh T không nói cho chị L biết là 100.000.000 đồng đó từ đâu có, mà chỉ kêu chị L đi gửi tiết kiệm, nếu có cần thiết làm ăn thì có thể lấy ra sử dụng. Tuy nhiên, anh T và mẹ anh T không có đơn khởi kiện yêu cầu về nội dung này.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Qua quá trình tranh tụng tại phiên tòa và trên cơ sở phân tích, đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ứng Thị Thảo L.

+ Về hôn nhân: Cho chị Ứng Thị Thảo L với anh Hà Minh T ly hôn. Về con chung: Giao cháu Hà Ngọc Tú M, sinh ngày 01/10/2019 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Xét thấy, nguyên đơn Ứng Thị Thảo L có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn Hà Minh T, nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng thời, bị đơn Hà Minh T có nơi cư trú tại ấp Bình Hiệp A, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, cho nên Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Nguyên đơn Ứng Thị Thảo L và bị đơn Hà Minh T kết hôn năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang vào ngày 05/10/2017 theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Chị L cho rằng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị L với anh T là do anh T không quan tâm vợ con, mọi công việc trong gia đình anh T đều để một mình chị L gánh vác, chị L có khuyên anh T cùng chị L chăm lo cho con nhưng anh T không thay đổi và bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Do vậy, cuộc sống hôn nhân giữa chị L với anh T không còn hạnh phúc. Đến tháng 5/2021, chị L với anh T đã sống ly thân với nhau đến nay. Trong khoảng thời gian sống ly thân, chị L với anh T không có giải pháp để hàn gắn lại tình cảm. Tại phiên tòa, chị L xác định hiện nay không còn tình cảm với anh T và chị L với anh T không ai còn quan tâm đến ai nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị L cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh T. Ngược lại, anh T cho rằng giữa anh T với chị L không có xảy ra mâu thuẫn với nhau. Anh T cũng khẳng định không còn tình cảm với chị L, không có ý định hàn gắn lại tình cảm với chị L và anh T chỉ đồng ý ký đơn ly hôn với chị L nếu chị L trả cho mẹ của anh T số tiền 100.000.000 đồng.

Xét thấy, giữa chị L với anh T là có phát sinh mâu thuẫn. Điều này được thể hiện thông qua việc: Trong suốt quá trình làm việc, hòa giải và tại phiên tòa, mặc dù Tòa án, Hội đồng xét xử và Kiểm sát viên đã kiên trì hòa giải, động viên nhiều lần để chị L với anh T hàn gắn lại tình cảm, đoàn tụ để nuôi dạy con, nhưng chị L vẫn cương quyết xin ly hôn với anh T. Mặt khác, anh T cũng khẳng định không còn tình cảm với chị L, không có ý định hàn gắn lại tình cảm với chị L và anh T chỉ đồng ý ly hôn với chị L nếu chị L trả cho mẹ của anh T số tiền 100.000.000 đồng. Hơn nữa, chị L với anh T đã sống ly thân với nhau từ tháng 5/2021 đến nay, mà các bên vẫn không có giải pháp để hàn gắn lại tình cảm, để đoàn tụ nuôi dạy

con. Điều này đã thể hiện sự kiên quyết ly hôn của chị L, còn anh T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm lại với chị L. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị L với anh T là thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không thể đạt được.

Chính vì vậy, việc nguyên đơn Ứng Thị Thảo L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn Hà Minh T đã thỏa mãn các điều kiện về căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, cháu Hà Ngọc Tú M, sinh ngày 01/01/2019, tính đến nay chưa đủ 07 tuổi. Bên cạnh đó, từ trước đến nay, chị L cũng đã trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo cho Cháu M và Cháu M cũng đã phát triển tốt. Điều này, chứng tỏ chị L có đủ điều kiện để có thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục tốt cho Cháu M. Hơn nữa, để đảm bảo sự ổn định, tránh sự xáo trộn về cuộc sống sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý của Cháu M. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất giao Cháu M cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng: Lẽ ra, anh Hà Minh T là người không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, chị L là người trực tiếp nuôi con, nhưng chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho Cháu M. Xét thấy, việc chị L không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện và chị L có đầy đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con, nên Hội đồng xét xử không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con là đảm bảo quyền tự quyết và định đoạt của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.4] Về tài sản chung: Chị Ứng Thị Thảo L và anh Hà Minh T đều không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là đảm bảo quyền tự quyết và định đoạt của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.5] Về nợ chung: Chị Ứng Thị Thảo L không yêu cầu giải quyết; còn anh Hà Minh T có ý kiến trong quá trình Tòa án làm việc là anh T chỉ đồng ý ký đơn ly hôn với chị L nếu chị L trả cho mẹ của anh T số tiền 100.000.000 đồng. Thế nhưng, Tòa án đã giải thích cho anh T là anh T hoặc mẹ anh T phải có đơn khởi kiện để Tòa án xem xét thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh T hay mẹ anh T đều không có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là đảm bảo quyền tự quyết và định đoạt của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Từ những phân tích nêu trên cho thấy, phát biểu về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Ứng Thị Thảo L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn và không thuộc trường hợp không phải chịu hoặc miễn, giảm án phí theo quy định tại các điều 11, 12, 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ứng Thị Thảo L và bị đơn Hà Minh T đều có mặt tại phiên tòa, nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định tại các điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn và nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ứng Thị Thảo L.

1.1. Về hôn nhân: Cho chị Ứng Thị Thảo L được ly hôn với anh Hà Minh T.

1.2. Về con chung: Chị Ứng Thị Thảo L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Hà Ngọc Tú M, sinh ngày 01/01/2019 (Cháu M đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng).

1.3. Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

Anh Hà Minh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị Ứng Thị Thảo L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh Hà Minh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí và tạm ứng án phí: Chị Ứng Thị Thảo L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ từ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị L đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013905, ký hiệu biên lai 14BE-21, quyển số 0279, ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Chị L đã thực hiện xong.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Ứng Thị Thảo L và anh Hà Minh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- UBND xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang¹;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (Nh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phan Thành Nhân

¹ Đăng ký ngày 05/10/2017; Số 88.